

Số: 133/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 24 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; căn cước công dân số 046178010522, cấp ngày 20/9/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Khu định cư B, phường T, thành phố Huế. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977; căn cước công dân số 046077009568, cấp ngày 22/10/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Khu định cư B, phường T, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu L xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Hữu Minh S, sinh ngày 20/11/2009 và Nguyễn Ngọc Đan N, sinh ngày 18/7/2013.

Giao con chung Nguyễn Hữu Minh S và Nguyễn Ngọc Đan N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi

trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Hữu L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị H và anh L xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000264 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 1 - Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - UBND P. Hương Trà, TP. Huế
- (ĐKKH số 49 ngày 24/8/2007
tại UBND thị trấn Tứ Hạ cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh